VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 429/QĐ-VHL	*Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai dự toán ngân sách năm 2022

CHỦ TỊCH
VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Căn cứ Nghị định số 60/2017/NĐ-CP ngày 15/5/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Kế hoạch- Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu giao dự toán chi NSNN năm 2022 cho các đơn vị trực thuộc Viện Hàn lâm KHCNVN (Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng Ban Kế hoạch - Tài chính và Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Chủ tịch Viện Hàn lâm (để b/c);
- Phó Chủ tịch Chu Hoàng Hà;
- Bộ Tài chính;
- Website;
- Lưu: VT, KHTC,NTT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Chu Hoàng Hà

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC
VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

CÔNG KHAI PHÂN BỔ DỰ TOÁN NSNN NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 429/QĐ-VHL ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam)

Đơn vị: đồng

TT	Tên đơn vị	Tổng kinh phí các loại, khoản	Trong đó											Ghi chú
			SN Khoa học và Công nghệ (Loại 100-101)	Bao gồm			SN Kinh tế (Loại 280-332)	SN Môi trường (Loại 250-251)	SN Giáo dục Đào tạo đại học (Loại 070-081)	SN Giáo dục Đào tạo sau đại học (Loại 070-082)	SN Văn hóa (Loại 160-161)	Vốn ngoài nước		
				KP th.hiện nhiệm vụ KHCN	KP cải cách tiền lương (01.14)	KP không thường xuyên (02.12)						SN Khoa học và Công nghệ	SN Giáo dục và Đào tạo	
A	B	1=2+(6+..+12)	2=3+4+5	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
I	**Dự toán được giao 2022**	**1.556.680.000.000**	**1.145.140.000.000**				**51.400.000.000**	**9.450.000.000**	**51.775.000.000**	**42.005.000.000**	**9.730.000.000**	**2.730.000.000**	**244.450.000.000**	
II	**Dự toán phân bổ đợt 1/2022**	**1.378.816.000.000**	**992.566.000.000**				**51.400.000.000**	**9.450.000.000**	**29.215.000.000**	**42.005.000.000**	**9.730.000.000**	**0**	**244.450.000.000**	
III	**Dự toán chưa phân bổ (III=I-II)**	177.864.000.000	152.574.000.000	0	0	0	0	0	22.560.000.000	0	0	2.730.000.000	0	
1	VIỆN TOÁN HỌC	23.263.400.000	23.135.400.000	2.400.000.000	33.000.000	20.702.400.000	0	0		128.000.000	0	0	0	
2	VIỆN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	15.103.600.000	15.103.600.000	2.700.000.000	30.100.000	12.373.500.000	0	0		0	0	0	0	
3	VIỆN CƠ HỌC	18.013.200.000	16.338.200.000	2.350.000.000	27.700.000	13.960.500.000	75.000.000	1.600.000.000		0	0	0	0	
4	VIỆN KHOA HỌC VẬT LIỆU	53.083.600.000	51.768.600.000	26.150.000.000	69.100.000	25.549.500.000	115.000.000	1.200.000.000		0	0	0	0	
5	VIỆN VẬT LÝ	27.322.800.000	27.322.800.000	3.400.000.000	37.900.000	23.884.900.000	0	0		0	0	0	0	
6	VIỆN HOÁ HỌC	53.489.400.000	53.489.400.000	32.550.000.000	51.400.000	20.888.000.000	0	0		0	0	0	0	
7	VIỆN HOÁ HỌC CÁC HỢP CHẤT THIÊN NHIÊN	16.322.800.000	16.322.800.000	8.350.000.000	25.700.000	7.947.100.000	0	0		0	0	0	0	
8	VIỆN CÔNG NGHỆ SINH HỌC	95.156.600.000	95.101.600.000	33.830.000.000	58.000.000	61.213.600.000	55.000.000	0		0	0	0	0	
9	VIỆN SINH THÁI & TÀI NGUYÊN SINH VẬT	39.931.700.000	35.781.700.000	7.350.000.000	56.100.000	28.375.600.000	1.800.000.000	2.150.000.000		0	200.000.000	0	0	
10	VIỆN ĐỊA LÝ	23.183.800.000	20.983.800.000	9.750.000.000	25.900.000	11.207.900.000	1.200.000.000	1.000.000.000		0	0	0	0	
11	VIỆN ĐỊA CHẤT	27.229.900.000	26.779.900.000	13.930.000.000	29.800.000	12.820.100.000	450.000.000	0		0	0	0	0	
12	VIỆN VẬT LÝ ĐỊA CẦU	33.059.200.000	10.789.200.000	1.650.000.000	20.000.000	9.119.200.000	22.270.000.000	0		0	0	0	0	
13	VIỆN KỸ THUẬT NHIỆT ĐỚI	62.896.000.000	43.616.000.000	16.600.000.000	36.400.000	26.979.600.000	19.280.000.000	0		0	0	0	0	
14	VIỆN CƠ HỌC VÀ TIN HỌC ỨNG DỤNG	13.617.400.000	13.522.400.000	1.500.000.000	25.000.000	11.997.400.000	95.000.000	0		0	0	0	0	
15	VIỆN CÔNG NGHỆ HOÁ HỌC	9.872.800.000	9.872.800.000	1.450.000.000	19.800.000	8.403.000.000	0	0		0	0	0	0	

TT	Tên đơn vị	Tổng Kinh phí các loại, khoản	Trong đó										Ghi chú
			SN Khoa học và Công nghệ (Loại 100-101)	Bao gồm			SN Kinh tế (Loại 280-332)	SN Môi trường (Loại 250-251)	SN Giáo dục Đào tạo đại học (Loại 070-081)	SN Giáo dục Đào tạo sau đại học (Loại 070-082)	SN Văn hóa (Loại 160-161)	Vốn ngoài nước		
				KP th.hiện nhiệm vụ KHCN	KP cải cách tiền lương (01.14)	KP không thường xuyên (02.12)						SN Khoa học và Công nghệ	SN Giáo dục và Đào tạo	
A	B	1=2+(6+..+12)	2=3+4+5	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
16	VIỆN SINH HỌC NHIỆT ĐỚI	25.304.700.000	25.204.700.000	3.000.000.000	24.300.000	22.180.400.000	0	0		0	100.000.000	0	0	
17	VIỆN HẢI DƯƠNG HỌC	29.410.900.000	24.205.900.000	11.600.000.000	26.600.000	12.579.300.000	505.000.000	1.900.000.000		0	2.800.000.000	0	0	
18	VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ NHA TRANG	14.336.400.000	14.336.400.000	3.400.000.000	13.100.000	10.923.300.000	0	0		0	0	0	0	
19	VIỆN KHOA HỌC VẬT LIỆU ỨNG DỤNG	11.956.000.000	11.956.000.000	3.600.000.000	20.800.000	8.335.200.000	0	0		0	0	0	0	
20	VIỆN ĐỊA LÝ TÀI NGUYÊN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	14.479.900.000	14.479.900.000	1.450.000.000	8.200.000	13.021.700.000	0	0		0	0	0	0	
21	VIỆN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC TÂY NGUYÊN	18.234.800.000	18.134.800.000	750.000.000	7.800.000	17.377.000.000	0	0		0	100.000.000	0	0	
22	VIỆN TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BIỂN	12.225.600.000	9.965.600.000	3.700.000.000	18.100.000	6.247.500.000	590.000.000	1.600.000.000		0	70.000.000	0	0	
23	VIỆN ĐỊA CHẤT VÀ ĐỊA VẬT LÝ BIỂN	43.023.400.000	40.663.400.000	32.650.000.000	15.500.000	7.997.900.000	2.360.000.000	0		0	0	0	0	
24	TRUNG TÂM THÔNG TIN TƯ LIỆU	15.298.400.000	15.298.400.000	0	10.200.000	15.288.200.000	0	0		0	0	0	0	
25	VĂN PHÒNG VIỆN HÀN LÂM KHCNVN	50.437.430.000	48.437.430.000	0	74.900.000	48.362.530.000	0	0		2.000.000.000	0	0	0	
26	VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	1.623.700.000	1.623.700.000	0	7.300.000	1.616.400.000	0	0		0	0	0	0	
27	TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ	53.545.500.000	52.545.500.000	33.700.000.000	12.700.000	18.832.800.000		0		1.000.000.000	0	0	0	
28	VIỆN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG	25.108.100.000	24.903.100.000	2.350.000.000	53.000.000	22.500.100.000	205.000.000	0		0	0	0	0	
29	VIỆN KHOA HỌC NĂNG LƯỢNG	13.253.000.000	13.253.000.000	1.550.000.000	9.300.000	11.693.700.000	0	0		0	0	0	0	
30	NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC TỰ NHIÊN VÀ CÔNG NGHỆ	16.040.400.000	14.040.400.000	6.383.000.000	9.500.000	7.647.900.000	0	0		0	2.000.000.000	0	0	
31	BẢO TÀNG THIÊN NHIÊN VIỆT NAM	27.859.300.000	22.199.300.000	1.200.000.000	18.200.000	20.981.100.000	1.200.000.000	0		0	4.460.000.000	0	0	

TT	Tên đơn vị	Tổng Kinh phí các loại, khoản	Trong đó										Ghi chú
			SN Khoa học và Công nghệ (Loại 100-101)	Bao gồm			SN Kinh tế (Loại 280-332)	SN Môi trường (Loại 250-251)	SN Giáo dục Đào tạo đại học (Loại 070-081)	SN Giáo dục Đào tạo sau đại học (Loại 070-082)	SN Văn hóa (Loại 160-161)	Vốn ngoài nước	
				KP th.hiện nhiệm vụ KHCN	KP cải cách tiền lương (01.14)	KP không thường xuyên (02.12)						SN Khoa học và Công nghệ	SN Giáo dục và Đào tạo	
A	B	1=2+(6+..+12)	2=3+4+5	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
32	VIỆN CÔNG NGHỆ VŨ TRỤ	11.078.300.000	11.078.300.000	4.150.000.000	10.600.000	6.917.700.000	0	0		0	0	0	0	
33	TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CAO	35.503.800.000	35.503.800.000	10.470.000.000	9.000.000	25.024.800.000	0	0		0	0	0	0	
34	VIỆN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC MIỀN TRUNG	5.090.200.000	5.090.200.000	1.350.000.000	9.700.000	3.730.500.000	0	0		0	0	0	0	
35	TRUNG TÂM TIN HỌC VÀ TÍNH TOÁN	6.205.400.000	6.205.400.000	410.000.000	20.000.000	5.775.400.000	0	0		0	0	0	0	
36	VIỆN HOÁ SINH BIỂN	23.960.200.000	22.760.200.000	13.220.000.000	30.900.000	9.509.300.000	1.200.000.000	0		0	0	0	0	
37	TRUNG TÂM VŨ TRỤ VIỆT NAM	7.345.100.000	7.345.100.000	1.250.000.000	37.100.000	6.058.000.000	0	0		0	0	0	0	
38	VIỆN NGHIÊN CỨU HỆ GEN	9.692.270.000	9.692.270.000	5.550.000.000	13.300.000	4.128.970.000	0	0		0	0	0	0	
39	HỌC VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	55.498.700.000	21.611.000.000	4.000.000.000	0	17.611.000.000	0	0		33.887.700.000	0	0	0	
40	VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM - ĐOÀN RA	40.000.000.000	40.000.000.000	0	0	40.000.000.000	0	0		0	0	0	0	
41	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI	300.758.300.000	22.104.000.000	9.650.000.000	0	12.454.000.000	0	0	29.215.000.000	4.989.300.000	0	0	244.450.000.000	
Tổng dự toán phân bổ đợt 1/2022		1.378.816.000.000	992.566.000.000	319.343.000.000	1.006.000.000	672.217.000.000	51.400.000.000	9.450.000.000	29.215.000.000	42.005.000.000	9.730.000.000	0	244.450.000.000	